

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN QUỐC TẾ FBA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASC

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 33 - Ngõ 24 - Đặng Tiến Đông - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 35378938 / 68 * Fax: (84-4) 35378988

Website: <http://www.kiemtoanasc.com.vn> / kiemtoanasc.vn

Email: info@kiemtoanasc.vn

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-4
Báo cáo Kiểm toán	5
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12-26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế FBA (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế FBA ("Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Điều hòa Quốc tế được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103002812 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28/08/2003. Theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 17 tháng 11 năm 2008 thì hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thiết kế, lắp đặt hệ thống điều hòa không khí trung tâm (không bao gồm thiết kế công trình);
- Buôn bán hàng điện lạnh, điện tử;
- Lắp ráp, sản xuất các sản phẩm điện lạnh, điện tử, máy vi tính;
- Dịch vụ bảo hành, bảo trì, lắp đặt các sản phẩm điện lạnh, điện tử;
- Sản xuất, lắp ráp, gia công và buôn bán máy điều hòa không khí, tủ lạnh, máy giặt, lò vi sóng, đầu VCD, DVD, âm ly, màn hình LCD, plasma, điện thoại di động, bếp từ;
- Xây dựng và lắp đặt trang thiết bị cho các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính), môi giới và xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp;
- Môi giới mua bán doanh nghiệp;
- Tư vấn, cung cấp giải pháp thương mại điện tử và thông tin thị trường (Trừ loại thông tin Nhà nước cấm, dịch vụ điều tra);
- Dịch vụ vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Mua bán, sản xuất, lắp ráp các loại ô tô, xe máy, thiết bị, phụ tùng, linh kiện vật tư máy móc công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán các loại hóa chất, các loại sơn công nghiệp và dân dụng (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất, mua bán thiết bị văn phòng, thiết bị ngoại vi và linh phụ kiện thay thế của chúng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh gỗ và các sản phẩm từ gỗ (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Kinh doanh hóa mỹ phẩm (trừ các loại mỹ phẩm gây hại cho sức khỏe con người);
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán bóng điện và các thiết bị điện.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1, N7 - TT5, khu đô thị Bắc Linh Đàm, Phường Đại Kim, Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 45.000.000.000 đồng (Bốn lăm tỷ đồng).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 4.121.275.762 VND. (Lợi nhuận sau thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 2.324.371.304 VND)

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 là 4.121.275.762 VND. (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là 424.547.068 VND)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành của Công ty trong suốt năm 2011 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	Bỏ nhiệm lại ngày 16 tháng 4 năm 2011
Ông Nguyễn Minh Hậu	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011
Ông Đặng Quang Sơn	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011
Ông Mai Văn Anh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011
Ông Nguyễn Bá Tịch	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011
Ông Trần Đức Quang	Thành viên	Miễn nhiệm từ 16 tháng 4 năm 2011
Ông Đặng Đình Hải	Thành viên	Miễn nhiệm từ 16 tháng 4 năm 2011
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm từ 16 tháng 4 năm 2011
Ông Phạm Thanh Bình	Thành viên	Miễn nhiệm từ 16 tháng 4 năm 2011

Ban điều hành

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc	Bỏ nhiệm lại ngày 16 tháng 4 năm 2011
Ông Trần Đức Quang	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011
Bà Phạm Thị Hưng	Kế toán trưởng	

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Bá Tâm	Trưởng Ban	Bỏ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011
Bà Lê Thị Hà	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011
Ông Đình Quang Khải	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán ASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2011 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2012

TM. Ban Giám đốc
Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm
Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2012

Số 33./BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế FBA

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế FBA

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán ASC đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế FBA gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế FBA tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

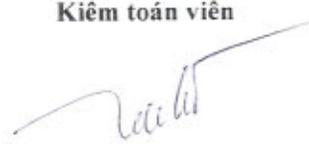
Chúng tôi lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính rằng: *Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 45.000.000.000 đồng, đến thời điểm 31/12/2011 số vốn thực góp của Công ty là: 34.149.000.000 đồng tương ứng với số cổ phiếu là 3.414.900 đã được đăng ký giao dịch trên Sàn Upcom(Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) tại thời điểm 18/02/2011.*

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASC
Phó Tổng Giám đốc



Trần Thị Hạnh
Chứng chỉ KTV số: 0726/KTV

Kiểm toán viên



Nguyễn Chi Thành
Chứng chỉ KTV số: 0647/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.549.322.780	29.868.587.879
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	7.332.583.845	1.431.315.396
1. Tiền	111		7.332.583.845	1.431.315.396
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	130		22.005.249.539	23.695.443.761
1. Phải thu của khách hàng	131		21.670.749.539	22.382.585.803
2. Trả trước cho người bán	132		334.500.000	1.252.805.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ HỖXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03		60.052.958
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	17.619.154.148	4.323.530.889
1. Hàng tồn kho	141		17.619.154.148	4.323.530.889
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		592.335.248	418.297.833
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		592.335.248	418.297.833
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Giao dịch mua trái phiếu chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.738.340.144	16.672.395.220
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Tiếp theo)

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		7.738.340.144	8.047.395.220
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	3.356.215.460	3.665.270.536
- Nguyên giá	222		4.356.265.288	4.584.087.799
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(1.000.049.828)	(918.817.263)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	4.382.124.684	4.382.124.684
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			8.625.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		8.625.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		55.287.662.924	46.540.983.099

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(Tiếp theo)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.592.840.094	11.967.436.031
I. Nợ ngắn hạn	310		16.592.840.094	11.855.489.031
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	2.417.251.122	4.933.000.000
2. Phải trả người bán	312		12.853.771.686	6.767.816.537
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.265.775.756	154.672.494
5. Phải trả công nhân viên	315			
6. Chi phí phải trả	316	V.17	26.041.530	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HDXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	30.000.000	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323			
II. Nợ dài hạn	330			111.947.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			111.947.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		38.694.822.830	34.573.547.068
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	38.694.822.830	34.573.547.068
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		34.149.000.000	34.149.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		424.547.068	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4.121.275.762	424.547.068
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		55.287.662.924	46.540.983.099

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(Tiếp theo)

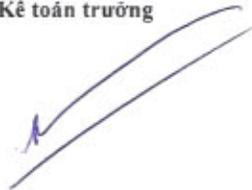
Đơn vị: VND

<u>CHỈ TIÊU</u>	<u>Thuyết minh</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi hoạt động			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2012

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hưng



Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	75.265.130.738	44.419.492.055
- Doanh thu bán hàng hóa				
- Doanh thu cung cấp dịch vụ				
- Doanh thu của Hợp đồng xây dựng				
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	75.265.130.738	44.419.492.055
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	69.175.670.080	39.472.531.809
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.089.460.658	4.946.960.246
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	2.109.130.429	6.172.420
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	648.921.903	893.853.376
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		431.881.236	893.853.376
8. Chi phí bán hàng	24		931.047.594	759.426.304
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.248.641.458	821.155.843
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.369.980.132	2.478.697.143
11. Thu nhập khác	31		148.922.064	
12. Chi phí khác	32		286.887.827	
13. Lợi nhuận khác	40		(137.965.763)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.232.014.369	2.478.697.143
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	1.110.738.607	154.325.839
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.121.275.762	2.324.371.304
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.206,85	728,75

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2012

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hưng



Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp

Chi tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.232.014.369	2.478.697.143
2. Điều chỉnh cho các khoản		(1.166.238.386)	1.120.737.695
+ Khấu hao tài sản cố định	02	225.439.737	233.056.739
+ (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	211.392.982	
+ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.034.952.341)	(6.172.420)
+ Chi phí lãi vay	06	431.881.236	893.853.376
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.065.775.983	3.599.434.838
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	1.516.156.807	(5.657.005.268)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(13.295.623.259)	2.276.310.256
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	7.253.099.941	(4.952.734.847)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(405.839.706)	(893.853.376)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		39.412.707
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.254.285.053)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.120.715.287)	(5.588.435.690)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(10.272.727)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	(49.188.402)	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.625.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	8.625.000.000	2.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.084.140.743	6.172.420
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.649.679.614	(6.118.827.580)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		13.943.104.900
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.208.457.174	15.114.890.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.836.153.052)	(16.253.833.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.627.695.878)	12.804.161.900
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5.901.268.449	1.096.898.630
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.431.315.396	334.416.766
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.332.583.845	1.431.315.396

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hưng

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2012

Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế FBA ("Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Điều hòa Quốc tế được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010 300 2812 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28/08/2003. Trong quá trình hoạt động, Công ty có các lần thay đổi đăng ký kinh doanh như sau:

Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 1	Ngày 21/06/2004
Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 2	Ngày 16/09/2004
Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 3	Ngày 11/05/2005
Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 4	Ngày 29/03/2007
Giấy chứng nhận ĐKKD điều chỉnh lần 5	Ngày 17/11/2008

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 45.000.000.000 VND tương ứng 4.500.000 cổ phần, mệnh giá: 10.000VND/Cổ phần.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 1 - N7-TT5- Khu đô thị Bắc Linh Đàm, Phường Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội.

Ngày 07/01/2011, Công ty chính thức nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 01/2011/GCNCP-VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp.

Ngày 27/01/2011 Công ty nhận được Quyết định số 49/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM với mã chứng khoán: FBA.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số FBA-2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2011 thống nhất hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu FBA trên sàn UPCOM và tiến hành niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đồng thời phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thực góp từ 34.149.000.000 VND lên 68.298.000.000 VND

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh hàng điện tử, điện lạnh.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thiết kế, lắp đặt hệ thống điều hòa không khí trung tâm (không bao gồm thiết kế công trình);
- Bán hàng điện lạnh, điện tử;
- Lắp ráp, sản xuất các sản phẩm điện lạnh, điện tử, máy vi tính;
- Dịch vụ bảo hành, bảo trì, lắp đặt các sản phẩm điện lạnh, điện tử;
- Sản xuất, lắp ráp, gia công và bán máy điều hòa không khí, tủ lạnh, máy giặt, lò vi sóng, đầu VCD, DVD, âm ly, màn hình LCD, plasma, điện thoại di động, bếp từ;

- Xây dựng và lắp đặt trang thiết bị cho các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính), môi giới và xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp;
- Môi giới mua bán doanh nghiệp;
- Tư vấn, cung cấp giải pháp thương mại điện tử và thông tin thị trường (Trừ loại thông tin Nhà nước cấm, dịch vụ điều tra);
- Dịch vụ vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Mua bán, sản xuất, lắp ráp các loại ô tô, xe máy, thiết bị, phụ tùng, linh kiện vật tư máy móc công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán các loại hóa chất, các loại sơn công nghiệp và dân dụng (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất, mua bán thiết bị văn phòng, thiết bị ngoại vi và linh phụ kiện thay thế của chúng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh gỗ và các sản phẩm từ gỗ (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Kinh doanh hóa mỹ phẩm (trừ các loại mỹ phẩm gây hại cho sức khỏe con người);
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán bóng điện và các thiết bị điện.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch tài sản và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm tài chính theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo ba chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ bao gồm: Giá mua cộng các khoản thuế không được hoàn, chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử và các chi phí cần thiết khác để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng được quy định tại Thông tư 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	46 năm
- Máy móc, thiết bị	10 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	10 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi số bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập. Tuy nhiên, Công ty chưa xây dựng được tiêu thức xác định chi phí phù hợp với phần doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Theo quy định tại Nghị định 101/2011/ND – CP ngày 4/11/2011 về việc quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân và Nghị định 56/2009/ND-CP ngày 30/6/2011 của Chính phủ về việc trợ giúp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ thì Công ty thuộc diện được miễn giảm thuế (Miễn giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm 2011).

V . Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán

1 . TIỀN	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	4.314.486	1.395.591.684
Tiền gửi ngân hàng	7.328.269.359	35.723.712
<i>NH TMCP Phát triển nhà TP. HCM - CN Thăng Long</i>	<i>7.302.559.509</i>	
<i>Ngân hàng TMCP Techcombank Việt Nam- CN Linh Đàm</i>	<i>2.772.944</i>	<i>27.497.882</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Linh Đàm</i>	<i>1.448.518</i>	<i>1.741.254</i>
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu- PGD Bát Đàn</i>	<i>179.461</i>	
<i>Ngân hàng NN và PT nông thôn Việt Nam- Sờ Giao dịch</i>	<i>1.603.300</i>	<i>1.709.100</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Hai Bà Trưng</i>	<i>852.175</i>	<i>2.270.893</i>
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam- Hà Tây</i>	<i>17.900.584</i>	
<i>Ngân hàng Các DN ngoài quốc doanh VN- PGD Bách Khoa</i>	<i>952.868</i>	<i>924.358</i>
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu- CN Nam Thăng Long</i>		<i>1.580.225</i>
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	7.332.583.845	1.431.315.396
3 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về cổ phần hóa		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
Quỹ lương chi quá		
Phải thu khác	-	60.052.958
- <i>Phải thu khác</i>		<i>60.052.958</i>
Cộng	-	60.052.958
4 . HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Hàng mua đang đi đường	0	
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Công cụ, dụng cụ	-	26.523.810
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	392.780.646	392.780.646
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hóa	17.226.373.502	3.904.226.433
Cộng	17.619.154.148	4.323.530.889
* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK trong năm		
* Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	17.619.154.148	4.323.530.889
* Lý do trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK		

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

(Đơn vị tính: VND)

Khoản mục	Nhà cửa Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	2.785.147.116	10.000.000	1.788.940.683		4.584.087.799
Số tăng trong kỳ	0			10.272.727	10.272.727
- Mua trong năm				10.272.727	10.272.727
- Đ.tư XD/CB hoàn t.					0
- Tăng khác					0
Số giảm trong kỳ	0	0	238.095.238	0	238.095.238
- Chuyển sang BĐS t					0
- Th.lý, nhượng bán			238.095.238		238.095.238
- Giảm khác					0
Số dư cuối kỳ	2.785.147.116	10.000.000	1.550.845.445	10.272.727	4.356.265.288
Giá trị HM lũy kế					
Số dư đầu kỳ	273.872.799	6.333.333	638.611.131		918.817.263
Số tăng trong kỳ	54.843.154	1.000.000	167.028.401	2.568.182	225.439.737
- Khấu hao trong kỳ	54.843.154	1.000.000	167.028.401	2.568.182	225.439.737
- Tăng khác					0
Số giảm trong kỳ	754.790	0	143.452.382		144.207.172
- Chuyển sang BĐS t					0
- Th.lý, nhượng bán			143.452.382		143.452.382
- Giảm khác	754.790				754.790
Số dư cuối kỳ	327.961.163	7.333.333	662.187.150	2.568.182	1.000.049.828
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	2.511.274.317	3.666.667	1.150.329.552	0	3.665.270.536
Tại ngày cuối kỳ	2.457.185.953	2.666.667	888.658.295	7.704.545	3.356.215.460

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.382.124.684	4.382.124.684
- Chi phí thiết kế xây dựng nhà máy sản xuất, lắp ráp điều hòa không khí(1)	62.823.684	62.823.684
- Chi phí xây dựng nhà máy sản xuất - lắp ráp điều hòa không khí(2)	3.185.373.000	3.185.373.000
- Quyền sử dụng đất tại KCN Quế Võ - Bắc Ninh(3)	1.133.928.000	1.133.928.000
Cộng	4.382.124.684	4.382.124.684

(1): Hợp đồng thiết kế xây dựng nhà máy SX - Lắp ráp điều hòa không khí, đồ điện gia dụng phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu với công ty CP Tư vấn Thiết kế Kiến trúc nội thất. Tuy nhiên, đến nay Công ty này vẫn chưa bàn giao bộ hóa đơn, hồ sơ đầy đủ theo quy định.

(2): Hợp đồng thi công xây lắp công trình Nhà máy sản xuất - Lắp ráp điều hòa không khí tại Khu công nghiệp Quế Võ - Bắc Ninh được ký kết với Công ty TNHH Tiến Bình từ năm 2004. Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính năm 2011, công trình này vẫn chưa có Biên bản bàn giao đồng thời chưa xuất hóa đơn GTGT và chứng từ thanh lý cho công ty cổ phần Quốc tế FBA.

(3): Theo Biên bản thỏa thuận thuê lại đất của Công ty CP Phát triển đô thị Kinh Bắc với diện tích 4.000 m2, thời hạn thuê từ 09/4/2004 đến 19/12/2052 và đã được Ban Quản lý các KCN Bắc Ninh cấp Giấy phép đầu tư. Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính năm 2011 Công ty vẫn chưa nhận được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

15 . ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Vật tư Thiết bị Kim Dương		3.625.000.000
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Lâm Văn		5.000.000.000
Cộng	0	8.625.000.000

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Vay ngắn hạn	2.417.251.122	4.933.000.000
Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Bát Đàn (*)	1.597.834.072	
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Hà Tây	819.417.050	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng		4.933.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	2.417.251.122	4.933.000.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn:

(*) Hợp đồng tín dụng số BAD.DN.01150411 ngày 15 tháng 4 năm 2011 với Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Bát Đàn, với tổng giá trị Hợp đồng là 2.000.000.000 đồng. Khoản vay được sử dụng cho mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất 20,8%/năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày 15/4/2011. Số dư tại 31/12/2011 là: 1.597.834.072 đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là Bất động sản tại số 39/20 Trần Nguyên Hãn - Hải Phòng của Ông Nguyễn Hữu Nhân và Nguyễn Thị Minh Luân và toàn bộ phương tiện vận tải của Công ty CP Tập đoàn Quốc tế FBA.

(**): Hợp đồng tín dụng số 2677/HĐTD/NH - PN/TCB Hà tây ngày 21/7/2011 với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, với tổng giá trị Hợp đồng là: 57,907.92 USD. Khoản vay được sử dụng cho mục đích mua hàng hóa cho Hợp đồng GAL-TH/03 - 2011 ngày 5/3/2011 với Zhongshan Galanz Consumer Electric Appliances Co., Ltd. Lãi suất vay cố định là 7%/năm. Thời hạn vay là 6 tháng kể từ lần giải ngân vốn vay đầu tiên. Số dư tại ngày 31/12/2011 là 39.342,09 USD. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là Quyền sở hữu nhà và Quyền sử dụng đất ở tại căn hộ 202 - Nhà B5 - TT Khương Trung - Thanh Xuân - HN của Bà Nguyễn Thị Như Lý và hàng hóa hình thành từ vốn vay.

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	711.310	346.655
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.265.064.446	154.325.839
Thuế tài nguyên	-	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	1.265.775.756	154.672.494

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	26.041.530	
Cộng	26.041.530	0

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.000.000	-
Cộng	30.000.000	0

22 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	20.205.895.100		(1.861.393.786)	18.344.501.314
Tăng vốn năm trước	13.943.104.900			13.943.104.900
Lãi trong năm trước			2.324.371.304	2.324.371.304
Tăng khác				
Giảm khác			38.430.450	38.430.450
Số dư cuối năm trước	34.149.000.000	0	424.547.068	34.573.547.068
Tăng vốn trong kỳ				
Lãi trong kỳ			4.121.275.762	4.121.275.762
Tăng do PP lợi nhuận năm trước		424.547.068		424.547.068
Tăng khác				
Giảm do PP Lợi nhuận			424.547.068	424.547.068
Giảm khác				
Số dư cuối kỳ	34.149.000.000	424.547.068	4.121.275.762	38.694.822.830

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Nội dung	Số vốn thực góp		Tỷ lệ	Theo Giấy phép kinh doanh	
	Số CP	VND		Số CP	VND
Vốn góp của Nhà nước					
Vốn góp của các đối tượng khác					
<i>Nguyễn Anh Tuấn</i>	505.000	5.050.000.000	15%	505.000	5.050.000.000
<i>Cổ đông đại chúng khác</i>	2.909.900	29.099.000.000	85%	3.995.000	39.950.000.000
Cộng	3.414.900	34.149.000.000	100%	4.500.000	45.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	34.149.000.000	20.205.895.100
+ Vốn góp tăng trong năm		13.943.104.900
+ Vốn góp cuối năm	34.149.000.000	34.149.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính		

d. Cổ phiếu	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.500.000	4.500.000
- S.lượng CP đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	3.414.900	3.414.900
- Cổ phiếu thường	3.414.900	3.414.900
- Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.414.900	3.414.900
- Cổ phiếu thường	3.414.900	3.414.900
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là: đồng/CP	10.000	10.000
e. Các quỹ của doanh nghiệp		
- Quỹ đầu tư phát triển	424.547.068	0
- Quỹ dự phòng tài chính	0	0
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0
f. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Năm nay VND	Năm trước VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.121.275.762	2.324.371.304
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.121.275.762	2.324.371.304
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.414.900	3.189.518
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.206,85	728,75
VI . Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh		
25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán hàng hóa	75.265.130.738	44.419.492.055
Cộng	75.265.130.738	44.419.492.055
27 . DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán hàng hóa	75.265.130.738	44.419.492.055
Cộng	75.265.130.738	44.419.492.055

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	69.175.670.080	39.472.531.809
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp		
Cộng	69.175.670.080	39.472.531.809
29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.140.743	6.172.420
- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.057.000.000	
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.989.686	
Cộng	2.109.130.429	6.172.420
30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền vay	431.881.236	893.853.376
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.647.685	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	211.392.982	
Cộng	648.921.903	893.853.376
31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế	5.232.014.369	2.478.697.143
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Điều chỉnh giảm		
- Điều chỉnh tăng	342.481.811	0
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>342.481.811</i>	
Tổng lợi nhuận chịu thuế	5.574.496.180	2.478.697.143
Chuyển lỗ năm trước		1.861.393.786
Thu nhập không tính thuế		
Tổng lợi nhuận tính thuế	5.574.496.180	617.303.357
Lợi nhuận được hưởng ưu đãi thuế	3.771.805.843	
Lợi nhuận không được hưởng ưu đãi thuế	1.802.690.337	617.303.357
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên lợi nhuận được hưởng ưu đãi thuế	660.066.023	154.325.839
Chi phí thuế TNDN tính trên lợi nhuận không hưởng ưu đãi thuế	450.672.584	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.110.738.607	154.325.839

33 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và Công ty cổ phần FBA Việt Nam

Trong năm 2011, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Diễn giải	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND
- Công ty cổ phần FBA Việt Nam	Đơn vị có cùng chủ sở hữu chi phối	Bán hàng	5.829.467.330
- Công ty cổ phần FBA Việt Nam	Đơn vị có cùng chủ sở hữu chi phối	Cung cấp hàng hóa	30.275.366.824

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm (31/12/2011) như sau:

Diễn giải	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu VND
Phải thu khách hàng			
- Công ty cổ phần FBA Việt Nam	Đơn vị có cùng chủ sở hữu chi phối	Bán hàng	7.938.057.629

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 16 tháng 4 năm 2011, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không được hưởng thù lao trong năm 2011.

VII. Thông tin khác

* Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>1.1 Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	14,00	35,82
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	86,00	64,18
<i>1.2 Bố trí cơ cấu vốn</i>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30,01	25,71
- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	69,99	74,29

* Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Tổng Tài sản/Tổng nợ phải trả	Lần	3,33	3,89
2.2 Tổng Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	2,87	2,52
2.3 Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	0,44	0,12
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Lợi nhuận / doanh thu			
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập	%	6,75	5,58
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập	%	5,32	5,23
3.2 Lợi nhuận / Tổng Tài sản			
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	9,463	5,33
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,454	4,99
3.3 Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH			
	%	10,651	6,72

* Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính.

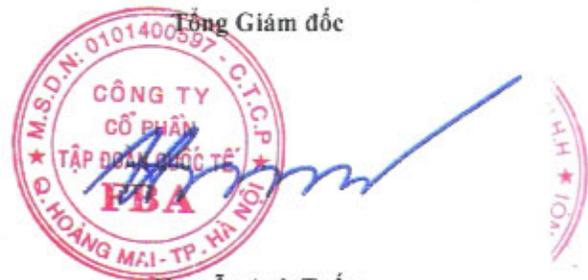
Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2012

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hưng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn